

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Á1** (viết tắt **A**);

Địa chỉ trụ sở: **D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo phát luật: Ông **Từ Tiến P** - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ký đơn kiện: Ông **Nguyễn Đình L** - Phó Giám đốc Phòng quản lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Nguyễn Thị Xuân Á** - Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ liên hệ: **Lâu H, Tòa nhà A, D C, Phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh;** theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2024.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: **E khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông **Nguyễn Quang T** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Á1** số tiền tính đến ngày 01/8/2024 là 2.227.006.870 (hai tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu, không trăm linh sáu nghìn, tám trăm bảy mươi) đồng, trong đó: dư nợ gốc 1.999.970.500 (một tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, năm trăm) đồng, lãi trong hạn 30.291.782 (ba mươi triệu, hai trăm chín mươi một

ngàn, bảy trăm tám mươi hai) đồng, lãi quá hạn 194.971.431 (một trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi một ngàn, bốn trăm ba mươi một) đồng, lãi phạt chậm trả lãi 1.773.157 (một triệu, bảy trăm bảy mươi ba ngàn, một trăm năm mươi bảy) đồng, theo các văn bản tín dụng được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP Á1** với ông **Nguyễn Quang T**, cụ thể:

- Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số TIC.CN.2101.130420 ngày 14/4/2020.

- Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số TIC.CN.2101.130420/SĐBS-01 ngày 15/5/2021.

- Hợp đồng cấp tín dụng số TIC.CN.3747.140521 ngày 15/5/2021.

- Phụ lục hợp đồng số TIC.CN.3747.140521/LP-01 ngày 15/5/2021.

- Khế ước nhận nợ số 396909369 ngày 09/5/2023.

- Khế ước nhận nợ số 397170969 ngày 11/5/2023.

- Khế ước nhận nợ số 397234349 ngày 12/5/2023.

- Khế ước nhận nợ số 397355449 ngày 13/5/2023.

2.2. Ông **Nguyễn Quang T** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Á1** số tiền tính đến ngày 01/8/2024 là 63.300.612 (sáu mươi ba triệu, ba trăm ngàn, sáu trăm mười hai) đồng, trong đó: dư nợ gốc 56.273.003 (năm mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi ba ngàn, không trăm linh ba), lãi quá hạn 7.027.609 (bảy triệu, không trăm hai mươi bảy ngàn, sáu trăm linh chín) đồng, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 20/4/2020 được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP Á1** với ông **Nguyễn Quang T**.

2.3. Kể từ ngày 02/8/2024, ông **Nguyễn Quang T** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các văn bản tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của **Ngân hàng TMCP Á1** thì lãi suất mà ông **Nguyễn Quang T** phải tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Á1** theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của **Ngân hàng TMCP Á1**.

2.4. Ông **Nguyễn Quang T** có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi và các chi phí phát sinh theo các văn bản tín dụng nêu trên được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP Á1** và ông **Nguyễn Quang T** chậm nhất đến ngày 01/10/2024.

Nếu đến hết ngày 01/10/2024, ông **Nguyễn Quang T** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì **Ngân hàng TMCP Á1** có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TIC.BĐCN.220.130420 ngày 14/4/2020 được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP**

Á1 với ông **Nguyễn Quang T** để thu hồi nợ, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất 114 tờ bản đồ số 30 diện tích 51,8m² tại **phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre** do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp cho ông **Nguyễn Quang T** đứng tên vào ngày 27/3/2020.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất 246 tờ bản đồ số 30 diện tích 22,6m² tại **phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre** do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp cho ông **Nguyễn Quang T** đứng tên vào ngày 27/3/2020.

2.5. Về án phí:

Ông **Nguyễn Quang T** tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 38.903.000 (ba mươi tám triệu, chín trăm linh ba nghìn) đồng.

Ngân hàng TMCP Á1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền 38.106.000 (ba mươi tám triệu, một trăm linh sáu nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002674 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b) ;
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu HSVA, VP (4b).

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Thanh Như